ĐẤU TRANH CHỐNG ÂM MƯU CHIA TÁCH TÂY NGUYÊN RA KHỎI VIỆT NAM CỦA THỰC DÂN PHÁP (1946-1954)

TỐNG THỊ TÂN*

1. Âm mưu chia tách Tây Nguyên của thực dân Pháp sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Vùng đất Tây Nguyên Việt Nam (thực dân Pháp gọi là Cao nguyên Trung phần) là một vùng dân cư đa dân tộc, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, có diện tích bằng 1/6 diện tích nước Việt Nam, là một vùng cao nguyên tiếp giáp với Lào và Campuchia, một địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của Việt Nam. Tây Nguyên là địa bàn cư trú của các tộc người như: Êđê, Gia Rai, Bana, K'ho, Mạ, Chu Ru, Xơ Đăng, Raglai, Kinh… và một số ít người Hoa. Năm 1889, dựa vào sức mạnh quân sự, thực dân Pháp đã buộc triều đình Huế giao lại Tây Nguyên cho họ. Kể từ đó cho đến năm 1945, toàn bộ vùng dân cư các tỉnh Tây Nguyên đều thuộc quyền cai trị trực tiếp của thực dân Pháp. Với mục đích thống trị lâu dài trên đất nước Việt Nam, thực dân Pháp ráo riết thực hiện âm mưu chia rẽ người Kinh với người Thượng, giữa người Thượng với nhau.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, được quân đội Anh tiếp sức, quân Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ, rồi mở rộng xâm chiếm Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Thực dân Pháp tiếp tục thực hiện chính sách chia rẽ người Kinh với người Thượng và tiến hành các biện pháp hòng chia cắt Tây Nguyên ra khỏi Việt Nam, biến nơi đây thành một kiểu "nhà nước tự trị của người Thượng" do thực dân Pháp trực tiếp cai trị. Quá trình này diễn ra như ý đồ đã định, thực dân Pháp không thực hiện được một đường lối nhất quán mà phải thay đổi do các biến động về chiến sự tại Đông Dương. Âm mưu chia rẽ Tây Nguyên của thực dân Pháp từ năm 1946 đến 1954 nổi lên với hai thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất, bắt đầu khi Cao ủy Pháp ở Đông Dương - D'Argenlieu thực hiện chỉ thị của Chính phủ Pháp thành lập "Liên bang đặc trách các dân cư sơn cước miền Nam Đông Dương" (Commissariat du Gouvernement Fédéral pour les populations montagnardes du Sud Indochinois) trực thuộc Cao ủy Pháp tại 5 tỉnh Cao nguyên Trung phần (Đồng Nai thượng, Lang Biang, Pleiku, Đak Lak, Kon Tum) vào ngày 27-5-1946 (1).

Theo quy định của "Liên bang" đặc biệt này, quyền cai trị các quận trong Liên bang nói trên được đặt dưới quyền của Phủ Cao ủy. Nhưng sau đó, thực dân Pháp cho đổi tên là "Tòa đại biểu đặc trách các cư dân sơn cước miền Nam Đông Dương" (Délégationpour les Populations Montagnardes du Sud Indochinois - P.M.S.I). Thủ phủ của P.M.S.I đặt tại Đà

*TS. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Tp.Hồ Chí Minh

Lạt, sau đó chuyển về Buôn Ma Thuột. Với tên gọi mới này, thực dân Pháp mạnh dạn đề ra mục đích trao "quyền tự trị" cho người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Nhưng thực chất là tách dần những vùng có người dân tộc thiểu số ra khỏi vùng kiểm soát của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngăn chặn sự liên kết giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, đối phó với phong trào đấu tranh đòi độc lập và thống nhất của nhân dân Việt Nam khắp ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Trong thời gian tồn tại của P.M.S.I, thực dân Pháp đã thực hiện một số chính sách cai trị thâm độc đối với các dân tộc ở Tây Nguyên như sau:

Thứ nhất là, quan chức người Pháp có toàn quyền ở Tây Nguyên. Đồng thời họ trực tiếp phụ trách mọi vấn đề về kinh tế, chính trị và quân sự tại đây. Mọi ảnh hưởng của chính phủ Nam triều (vua quan nhà Nguyễn) đều bị gạt bỏ. Thực dân Pháp còn lập thêm tòa tư pháp tại đây để xử các vụ kiện tụng giữa người Thượng và người Kinh hoặc người nước ngoài ở Tây Nguyên.

Thứ hai là, chế độ "địa phương tự trị" mang tính biệt lập vẫn tiếp tục được triệt để áp dụng đối với các dân tộc thiểu số tại địa phương. Nên các quan chức đứng đầu tỉnh, huyện, tổng, làng ở Tây Nguyên đều do người Thượng (là tay sai của thực dân Pháp) phụ trách, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của công sứ người Pháp tại mỗi tỉnh cao nguyên. Song song đó, mọi sự đi lại, giao dịch và buôn bán giữa người Thượng và người Kinh bị ngăn cấm triệt để nhằm gây ra những xung đột cục bộ giữa người Thượng và người Kinh tại 5 tỉnh Tây Nguyên nói trên.

Thứ ba là, về kinh tế, các loại thuế khóa do thực dân Pháp đặt ra, như thuế thân, thuế phát rừng, thuế voi… và chế độ lao dịch, cu-li đối với người Thượng sở tại được triệt để áp dụng (2).

Thứ tư là, về văn hóa mọi phong tục tập quán, mê tín, dị đoan của người Thượng được "triệt để tôn trọng" và khuyến khích duy trì. Dựa trên cơ sở đó, các "tòa án phong tục" được thực dân Pháp thiết lập từ các cấp: tỉnh, huyện, tổng, làng để giải quyết các vụ tranh tụng giữa người Thượng với nhau.

Thứ năm là, về quân sự thực dân Pháp tài trợ và tổ chức nhiều "nhóm vũ trang" của người Thượng cả về trang bị và huấn luyện nhằm săn lùng và tiêu diệt các tổ chức ái quốc của người Kinh hoạt động ở vùng rừng núi cao nguyên hồi bấy giờ (cùng thời gian này, thực dân Pháp cho lập và chỉ huy một lực lượng phòng thủ ở các tỉnh Tây Nguyên bao gồm 13 tiểu đoàn người Thượng).

Ngoài ra, thực dân Pháp còn ra sức khủng bố và tập trung dồn dân ở các làng người K'ho, Churu vào các địa bàn chiến lược do họ kiểm soát. Ở đây, đạo Thiên Chúa được tạo điều kiện phát triển và quân đội Pháp đã biến các làng này thành những tấm lá chắn phòng ngự cho các căn cứ quân sự của Pháp, bảo vệ các đầu mối giao thông quan trọng. Đối với vùng người Mạ, quân Pháp tiến hành bao vây, cô lập về mọi mặt làm cho cộng đồng người Mạ cách biệt với các vùng khác. Thực dân Pháp còn cho đặt ra chữ K'ho (từ năm 1949), thông qua các nhà truyền giáo, bộ chữ này đã được phổ biến trong các vùng dân tộc theo Thiên Chúa giáo, hỗ trợ tích cực cho âm mưu thống trị của thực dân Pháp.

Thời kỳ thứ hai, trong âm mưu chia rẽ Tây Nguyên khỏi Việt Nam được tiến hành khi Bảo Đại ra Dụ số 6 về việc "đặt trực thuộc Đức Quốc trưởng các tỉnh và khu vực mà dân cư tuy không phải nòi giống Việt

Nam song vẫn truyền thống lệ thuộc Hoàng triều" vào ngày 15-4-1950. Đây được coi là Dụ thành lập Hoàng triều cương thổ. Cùng ngày 15-4-1950, Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 33-QT quy định cho các nhân viên tổng sự tại Hoàng triều cương thổ (3).

Ngày 25-7-1950, Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 73-QT/TD về việc bãi bỏ Toà đại diện Cao Ủy Phủ tại vùng P.M.S.I và đặt một Tòa Ủy viên Đức Quốc trưởng tại vùng Cao nguyên miền Nam. Cùng ngày, Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 74-QT/TD về việc bổ nhiệm Đại tá Didelot lãnh chức Ủy viên Đức Quốc Trưởng tại vùng Cao nguyên miền Nam (4). Ngày 14-5-1951, Bảo Đại ban hành Sắc lệnh số 15-QT/TD về việc bổ nhiệm Ông Jeannin lãnh chức Phó Ủy viên Đức Quốc trưởng tại vùng Cao nguyên miền Nam (5).

Năm 1950, tình hình quân sự và chính trị trên các chiến trường Việt Nam có những chuyển biến ngày càng bất lợi cho quân Pháp, buộc phải "làm động tác giả" bằng việc trao trả lại hai vùng cao nguyên miền Bắc và miền Nam cho "Quốc gia Việt Nam". Nhưng trên thực tế, thực dân Pháp vẫn tìm mọi cách để tách Tây Nguyên ra khỏi lãnh thổ Việt Nam với nền hành chính của "Chính phủ Nam triều" (Bảo Đại). Cùng với mong muốn tiếp tục ảnh hưởng lên khu vực Tây Nguyên, thực dân Pháp đã dựa vào chiêu bài muốn bảo vệ các quy chế riêng cho các sắc tộc Thượng tại cao nguyên miền Nam, cho lập ra cái gọi là "Nhóm liên kết các dân tộc bị áp bức" viết tắt là GURO (Group unifié des races opprimées) vào năm 1950. Đó chính là cơ sở chính trị, xã hội và tâm lý dân tộc dẫn tới những cuộc bạo loạn đòi tự trị của người Thượng ở các giai đoạn sau trong lịch sử dân tộc.

Thực dân Pháp thúc ép Bảo Đại phải ban bố những quy chế riêng biệt đối với các dân tộc thiểu số không phải là người Kinh, mà khu vực cư trú lịch sử của họ vẫn nằm trên lãnh thổ Việt Nam. Điều này được đề cập trong văn thư trao đổi đề ngày 8-3-1949 của Tổng thống Cộng hòa Pháp, kiêm Chủ tịch Liên hiệp Pháp gửi Bảo Đại, có ghi: "Đối với các dân tộc không thuộc về giống nòi Việt Nam mà khu vực cư trú lịch sử vẫn ở trên lãnh thổ Việt Nam và theo truyền thống vẫn quy thuận Hoàng triều, thì hoàng đế Việt Nam sẽ ban bố những quy chế riêng biệt cho đại biểu các dân tộc đó. Các quy chế này sẽ ấn định với sự thỏa thuận của Chính phủ Pháp có bổn phận riêng biệt đối với dân tộc thiểu số ấy. Những quy chế ấy đồng thời phải đảm bảo các quyền lợi tối cao của nước Việt Nam và sự tự do tiến hóa của các dân tộc trong sự tôn trọng tục lệ cổ truyền của họ" (6). Từ ngữ hoa mỹ trên nhằm khẳng định thực dân Pháp vẫn có những ảnh hưởng tại các khu vực vừa được trao trả lại cho Bảo Đại.

Đặc biệt, ngày 21-5-1951, Bảo Đại ra Dụ số 16-QT/TD ấn định quy chế riêng cho dân chúng vùng Cao nguyên miền Nam thuộc Hoàng triều cương thổ (7). Quy chế này gồm các điều khoản như sau:

- Điều 1: Tôn trọng phong tục, tập quán của đồng bào Thượng.

- Điều 2: Tôn trọng các vị tù trưởng, bô lão, những người có uy tín trong giới đồng bào Thượng và hướng dẫn những nhân vật này vào việc điều hành các cơ sở hành chính, chính trị, tư pháp trên cao nguyên.

- Điều 3: Tổ chức tòa án phong tục Thượng; các vụ án liên quan giữa người Thượng và Kinh hoặc đối với người Pháp sẽ do tòa án hỗn hợp xét xử.

- Điều 4: Thành lập một hội đồng kinh tế để phát triển kinh tế trên cao nguyên.

- Điều 5: Quyền chủ đất Polăn được tôn trọng; các vụ mua, thuê bán đất đai của đồng bào Thượng được nhà cầm quyền

hành chính giải quyết theo phong tục tập quán Thượng sau khi hội ý với tù trưởng địa phương.

- Điều 6: Chính phủ nghiên cứu và yểm trợ các kế hoạch phát triển y tế, văn hóa, xã hội trên vùng Thượng để nâng cao đời sống đồng bào Thượng.

- Điều 7: Thổ ngữ được dùng làm căn bản cho việc giáo dục ở bậc sơ và tiểu học; Việt ngữ và Pháp ngữ được coi là phụ.

- Điều 8: Đào tạo cán bộ Thượng các ngành quân sự, y tế, hành chính và giáo dục cung ứng cho nhu cầu địa phương.

- Điều 9: Việc thi hành quân dịch không áp dụng gắt gao với đồng bào Thượng và các binh sĩ Thượng được tổ chức thành những đơn vị sơn cước, ưu tiên phục vụ tại cao nguyên (8).

Ngày 24-4-1952, Quốc trưởng Bảo Đại đã thay đổi về cơ cấu trong tổ chức của Hoàng triều cương thổ thông qua Sắc lệnh số 28-QT/TD, cụ thể: Pháp bãi bỏ Toà Ủy viên Đức Quốc trưởng tại các vùng Cao nguyên miền Nam và miền Bắc Hoàng triều cương thổ mà thay vào đó là một Toà Khâm mạng chung cho hết thảy các tỉnh và khu vực. Toà này đặt dưới quyền một vị Khâm mạng, lãnh danh hiệu "Khâm mạng tại các vùng Cao nguyên miền Nam và miền Bắc Hoàng triều cương thổ" (Điều 2) (9). Để phụ trách về các vấn đề hành chính tại các khu vực thuộc Hoàng triều cương thổ, Khâm mạng tại các vùng Cao nguyên miền Bắc và Cao nguyên miền Nam có một viên Tổng Thư ký Cao nguyên miền Bắc và Cao nguyên miền Nam giúp việc (Điều 5) (10). Cũng trong ngày 24-4-1952, Quốc trưởng Bảo Đại đã phê chuẩn việc bổ nhiệm Đại tá Didelot giữ chức Tổng Thư ký Cao nguyên miền Nam thuộc Hoàng triều cương thổ (Điều 1) và bổ nhiệm Ông Ecarlat giữ chức Tổng Thư ký Cao nguyên miền Bắc thuộc Hoàng triều cương thổ (Điều 2) (11). Tất cả cho thấy, dù dưới hình thức trực tiếp hay gián tiếp, thực dân Pháp vẫn không từ bỏ sự hiện diện của mình ở vùng đất Tây Nguyên.

Chế độ "Hoàng triều cương thổ" do Tổng thống Pháp Vincent Auriol ấn định cho Bảo Đại vẫn có hiệu lực ở Tây Nguyên cho đến tháng 7-1954 (chấm dứt khi có Hiệp định Genève về Việt Nam). Chế độ trên đã đặt cao nguyên thành đất tư của Hoàng triều, người Kinh lên lập nghiệp vẫn bị hạn chế đến mức tối đa. Đó chính là việc thực dân Pháp vẫn tiếp tục âm mưu chia tách lãnh thổ Việt Nam: tách vùng cao nguyên của Việt Nam - một vị trí chiến lược tối quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng trên bán đảo Đông Dương, dưới một chiêu bài lừa bịp mới "một quốc gia trong lòng một quốc gia".

2. Đấu tranh làm thất bại âm mưu chia tách Tây Nguyên của thực dân Pháp

2.1 Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc

Xác định được vai trò to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, đồng thời nhận thức rõ được âm mưu thâm độc trong việc chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ kháng chiến đã xem việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp. Chỉ hơn 3 tháng sau ngày giành được chính quyền và tuyên bố với thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2-9-1945), Chính phủ đã sớm tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam. Ngày 3-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến nói chuyện với các đại biểu về dự đại hội, nêu bật vấn đề cần phải xây dựng khối đoàn kết giữa các dân

tộc thiểu số: "Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh chị em trong một nhà, không còn có sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa. Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa…" (12).

Cũng trong ngày 3-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết một bức thư gửi các đại biểu về dự Đại hội các dân tộc thiểu số lần thứ nhất, Người nhấn mạnh: "Từ đây về sau, các dân tộc đã đoàn kết càng phải đoàn kết thêm, đã phấn đấu càng phải phấn đấu nữa, để giữ gìn quyền độc lập cho vững vàng để xây dựng một nước Việt Nam mới. Khi khó nhọc chúng ta cùng gắng sức, lúc thái bình chúng ta cùng hưởng chung…" (13).

Đặc biệt, đối với vùng Tây Nguyên, thực dân Pháp đã đẩy mạnh xâm lược mở rộng vùng chiếm đóng và có sơ sở mạnh mẽ trong khối đồng bào theo Công giáo. Cuối năm 1945 đầu năm 1946, chiến sự tại mặt trận Gia Lai đã lan từ phía Tây (giáp Campuchia) và mặt trận phía Nam (giáp Đak Lak). Trước tình hình đó, đầu tháng 1-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp dẫn đầu phái đoàn của Trung ương Đảng và Chính phủ vào Nam Trung Bộ và Tây Nguyên kiểm tra tình hình chiến trường, các đơn vị bộ đội ở các địa phương này và truyền đạt chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ cho các chiến khu và các tỉnh. Ở Pleiku, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tổ chức nói chuyện với một số đơn vị vũ trang, dân chính đảng và yêu cầu các địa phương khẩn trương xây dựng căn cứ cách mạng phục vụ kháng chiến lâu dài. Các chiến sĩ đều phấn khởi khi nghe kể những gương chiến đấu ở mặt trận và nóng lòng chờ giây phút được tiêu diệt quân thù.

Bên cạnh những thắng lợi về quân sự, trình độ giác ngộ cách mạng của quần chúng cũng từng bước được nâng lên. Mặc dù ở các tỉnh thực dân Pháp cho lập ra hội đồng làng, tỉnh, với những tay sai đắc lực ngày đêm đi tuyên truyền cho thực dân Pháp và Bảo Đại. Tuy nhiên, trừ những người nhẹ dạ cả tin, còn nói chung nhân dân không mấy ai tin những chiêu trò của thực dân Pháp, họ tìm cách lảng tránh các cuộc họp "trưng cầu dân ý" hoặc chống lại nó. Ở huyện M'Đrăk (Đak Lak), trong cuộc trưng cầu lấy ý kiến quần chúng để bầu chức quận phó, khi viên quận trưởng người Pháp thấy không có ai đồng tình với danh sách do thực dân đưa ra, liền hỏi đồng bào muốn đề cử ai thì một người dân đã cho biết: "nếu được đề cử thì dân làng chúng tôi xin giới thiệu ông Y Gót làm quận phó (Y Gót là Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện ở M'Đrak)" (14).

Để đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân các dân tộc thiểu số ở Nam Trung Bộ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định thành lập Phân ban Quốc dân thiểu số. Phân ban Quốc dân thiểu số có nhiệm vụ chỉ đạo việc thành lập chính quyền cách mạng, xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số, chăm lo đời sống đồng bào…

Để củng cố hơn nữa khối đoàn kết dân tộc, đồng thời khẳng định sự ủng hộ của Chính phủ đối với phong trào kháng chiến của nhân dân miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo Chính phủ tiến hành Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku. Ngày 19-4-1946, từ Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi Đại hội nhấn mạnh rằng: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau,

sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau. Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giây liên lạc, hai là vì có kẻ xúi giục để chia rẽ chúng ta. Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có "Nha dân tộc thiểu số" để săn sóc cho tất cả các đồng bào. Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta…" (15).

Đáp lại *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-12-1946, bất chấp hiểm nguy, đồng bào các dân tộc thiểu số đã vượt lên những mất mát và hy sinh để tham gia kháng chiến với nhiều hình thức phong phú, cả trực tiếp và gián tiếp, cả ở vùng căn cứ, vùng tự do cũng như vùng địch hậu; giữ bí mật, nuôi và bảo vệ cán bộ, bộ đội; tham gia tiễu phỉ, trừ gian, bố phòng chiến đấu, chống càn, phục vụ hậu cần cho chiến trận. Ở Liên khu V, lực lượng dân quân du kích trong đó phần lớn là người dân tộc thiểu số (năm 1948 có hơn 100.000 người, đến giữa năm 1950 tăng lên đến 500.000 người) (16).

Trong 9 năm kháng chiến, dù hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc, bị kẻ thù đàn áp, o ép, cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn nhưng ở đâu, nhân dân các dân tộc thiểu số cũng đều hết lòng cưu mang, giúp đỡ bộ đội và sự nghiệp kháng chiến. Trong chiến dịch giải phóng Bắc Tây Nguyên, đồng bào Kinh, Thượng ở Nam Trung Bộ đã đóng góp 200.000 dân công (khoảng 6 triệu ngày công), 2.000 xe đạp thồ, 1.000 ngựa thồ, hàng chục thớt voi, hàng nghìn thuyền bè, xe bò, xe ngựa, đã vận chuyển ra mặt trận, bảo đảm tiếp tế cho bộ đội hơn 1.000 tấn gạo, 50 tấn muối, hàng nghìn trâu, bò, lợn, gà và hàng chục tấn nhu yếu phẩm khác… (17).

Cuộc chiến đấu của đồng bào các dân tộc thiểu số đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung, trong đó lớn nhất và quan trọng nhất là chiến cuộc Đông - Xuân năm 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, giáng một đòn quyết định xoay chuyển cục diện chiến tranh, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và rút quân về nước.

Ở chiến trường Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc ít người ở tỉnh Lâm Đồng đã biến núi Nam Ramay và núi R'Cáp thành hai căn cứ kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhiều cuộc tập kích quân Pháp của nhân dân các dân tộc ít người đã nổ ra ở đèo B'lao, đèo Giá Bắc…(18). Ở Gia - Kon, đồng bào lập nhiều làng kháng chiến, kiên quyết cự tuyệt muối, gạo, sắt… do Pháp dụ dỗ mua chuộc. Nhiều địa bàn cư trú của đồng bào đã trở thành căn cứ địa vững chắc của quân cách mạng trong suốt thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược và sau này là đế quốc Mỹ như: căn cứ khu 10 (Krong), làng Stor của anh hùng Núp, căn cứ Đất Bằng... Những người con ưu tú của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm giành lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc. Nhiều anh hùng, địa danh và buôn làng bất tử đã ăn sâu vào tâm khảm mỗi con người Việt Nam.

2.2. Đấu tranh trên mặt trận quân sự

Đáp lại *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), hầu hết các nhân sĩ, trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ đều ra chiến khu, ra

bưng biền tham gia đánh giặc. Chỉ sau 3 tháng toàn quốc kháng chiến, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận định: "Cuộc kháng chiến được toàn dân tham gia, đồng bào lao động hăng hái tác chiến, đồng bào tư sản, địa chủ hy sinh của cải không nề hà, nói chung đồng bào Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Hoà Hảo, quốc dân thiểu số và đa số đều chung sức đánh giặc" (19).

Từ cuối tháng 9-1946, các hoạt động vũ trang nhằm hỗ trợ cho các địa phương trên địa bàn Tây Nguyên xây dựng lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài phát triển khá mạnh. Chiến khu bí mật của đồng bào Thượng được lập ở Cheo Reo, M'Drak, Buôn Hồ. Một số đơn vị vũ trang Tây Nguyên cũng được thành lập gồm: một đại đội và một tiểu đoàn vệ quốc đoàn ở Củng Sơn, Buôn Hồ, Cheo Reo và một đại đội ở An Khê. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do địa bàn rừng núi rộng lớn, nhưng phong trào kháng chiến trong các vùng sau lưng địch vẫn tiếp tục phát triển. Thế trận phối hợp chiến đấu giữa vùng tự do và vùng sau lưng địch ngày càng hoàn chỉnh.

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm mục tiêu tiêu diệt cơ quan đầu não của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiêu diệt bộ đội chủ lực, phá tan căn cứ địa kháng chiến, mau chóng kết thúc chiến tranh. Trải qua 75 ngày đêm chiến đấu ở chiến trường Bắc Bộ (từ ngày 7-10 đến ngày 21-12-1947), quân và dân Việt Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn quân địch, phá hủy và đánh chìm nhiều phương tiện chiến tranh… Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ an toàn.

Trong những năm 1948 và 1949, quân và dân Nam Bộ tiếp tục chiến đấu và giành thêm nhiều thắng lợi oanh liệt làm cho thực dân Pháp bị thiệt hại, gặp nhiều khó khăn, ngày càng bị phụ thuộc vào Mỹ.

Năm 1950, để tạo chuyển biến lớn cho cuộc kháng chiến, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định mở Chiến dịch Biên giới với mục đích tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng vùng biên giới rộng lớn, mở thông đường giao thông với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Sau hơn một tháng chiến đấu (từ ngày 16-10 đến ngày 17-11-1950), Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, quét sạch quân Pháp trên một dải đất dài hơn 700 km^2 ở vùng biên giới Việt - Trung, tiêu diệt và bắt sống 8.300 quân địch gồm 8 tiểu đoàn Âu - Phi và 2 tiểu đoàn ngụy binh, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh, xóa sạch liên khu biên giới Đông Bắc của địch (20). Cùng với việc "Khu tự trị Nùng" võ từ trong trứng nước, đồng bào chiến sĩ ở khu vực Tây Nguyên cũng có thêm tinh thần tăng cường chiến đấu và phát triển lực lượng.

Ở mặt trận Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, để đánh bại Kế hoạch Navarre ngay tại chiến trường Liên khu V đồng thời bảo vệ vững chắc vùng tự do, cuối tháng 11-1953, căn cứ tình hình kế hoạch của địch và nhận định của ta, quyết định phương châm chiến lược của Liên khu V là "Tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên, trước hết là ở phía Bắc. Tiếp tục củng cố vùng tự do". Đầu tháng 12-1953, Hội nghị Liên khu ủy, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu quyết định thông qua kế hoạch tiến công lên Tây Nguyên, tiến công quân Pháp ở phía Bắc Tây Nguyên để phá tan cuộc hành quân Atlant của địch (chiến dịch bắt đầu từ ngày 26-1-1954 và kết thúc thắng lợi ngày 5-2-1954). Quân cách mạng đã giải phóng một vùng đất rộng 14.000 km^2 với 20.000 dân, nối vùng tự do Nam Quảng Ngãi sang vùng mới giải phóng của nước Lào.

Tiếp đó, đầu tháng 2-1954, Thường vụ Liên khu ủy và Đảng ủy chiến dịch quyết

định tổ chức 1 đợt tấn công ngắn nhưng thật mạnh vào cụm phòng thủ thị xã Pleiku và đường 19, tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng sinh lực địch, tranh thủ lúc địch co về phòng thủ nhanh chóng ổn định vùng mới giải phóng. Đêm 16 rạng ngày 17-2-1954, đợt tiến công mới của quân ta trên chiến trường Tây Nguyên đã tiêu diệt cứ điểm Đăk Đoa thọc sâu vào trung tâm thị xã Pleiku, chặn đánh các đoàn xe tiếp tế của địch trên đường 19.

Ở Nam đường 19, quân cách mạng diệt đồn Đak Bớt và phá khu dồn dân quanh đồn. Ngày 9-2-1954, bộ đội đột nhập, tấn công cơ quan ngụy quyền ở trung tâm, thị trấn Cheo Reo (Ayun Pa hiện nay). Đầu tháng 3, bộ đội chủ lực diệt cứ điểm Plei Tâu - tiền đồn bảo vệ ngã ba đường số 7 và đường 14. Đặc biệt, trong trận tiến công Đồn Plei Ring rạng sáng ngày 21-3-1954, với chiến thuật đánh nhanh, phát triển nhanh, không cho địch trở tay đối phó, tiêu diệt sinh lực địch nên hiệu suất rất cao (số giặc Pháp chết rất nhiều, quân ta hy sinh hơn 30 đồng chí). Binh đoàn cơ động 100 thiệt hại nặng về quân số, có tới 936 tên chết, 20 xe bị phá hủy, 200 xe cơ giới và pháo bị hư hỏng nặng. Thực dân Pháp đã phải dừng cuộc hành quân Atlant, kế hoạch Navarre từng bước sụp đổ, lượng lớn quân Pháp ở Bắc Tây Nguyên đã bị quét sạch, "Hoàng triều cương thổ" cũng từng bước cùng chung số phận với các khu tự trị.

Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân năm 1953-1954, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, quân và dân Việt Nam đã diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự của Navarre.

Đặc biệt, sau ngày tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt (7-5-1954), lực lượng quân Pháp ở Đông Dương còn đông, nhưng tinh thần nhanh chóng bị suy sụp và thực hiện co cụm chiến lược nhằm bảo toàn lực lượng, chờ kết quả đàm phán tại Genève kéo theo các thế lực tay sai hoang mang cực độ. Ngày 24-6-1954, lực lượng địch trên đường rút chạy từ An Khê về Pleiku theo đường 19 gồm binh đoàn cơ động 100 (Groupement Mobile 100 - G.M.100) do Đại tá Barrou chỉ huy, bị quân ta phục kích tiêu diệt hoàn toàn cả binh đoàn cơ động G.M 100.

Trước những thất bại trên khắp chiến trường, nhất là cú đánh bồi ở Tây Nguyên, thực dân Pháp và các bên liên quan buộc phải ngồi vào bàn đàm phán ký Hiệp định Genève, ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân 3 nước Đông Dương bằng việc "đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, vấn đề Lào và vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương" (21).

3. Kết luận

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nói chung và phá tan âm mưu chia tách Tây Nguyên khỏi Việt Nam nói riêng là thắng lợi chung của toàn thể nhân dân Việt Nam, trong thắng lợi đó có sự đóng góp không nhỏ của đồng bào dân tộc thiểu số. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước" (22). Nhận định trên đã chỉ ra chính truyền thống yêu nước nồng nàn của dân tộc là một nhân tố quan trọng dẫn đến thắng lợi trong cuộc kháng chiến. Xét cho đến cùng, cội nguồn đi đến thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp là ở tinh thần

yêu nước mà hạt nhân của nó chính là khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Kế tiếp, một nhân tố quyết định đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng như sự thất bại của thực dân Pháp trong âm mưu chia tách Tây Nguyên khỏi Việt Nam, chính là đường lối chính trị, quân sự… đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực dân Pháp dùng thủ đoạn "chia để trị" thì Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đoàn kết tất cả các lực lượng vào một Mặt trận dân tộc thống nhất (23). Khẩu hiệu "Đoàn kết chiến đấu, luôn luôn đoàn kết và chiến đấu bất cứ là hình thức nào, đó là điều kiện sống còn của dân tộc Việt Nam chúng ta" (24) được hô lên.

Đánh giá ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới" (25). Trong đó, thành tựu cốt lõi của chiến thắng chính là bảo vệ thành công một nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập và thống nhất.

CHÚ THÍCH

(1). Đoàn Thêm, *Hai mươi năm qua, việc từng ngày (1945-1964)*, Nam Chi Tùng Thư xuất bản, Sài Gòn, 1966, tr.24.

(2). Trung tâm Khoa học Xã hội & Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, *Chứng tích Pháp Nhật trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858-1945)*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 325-326.

(3), (4), (5). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, *Phông Thủ hiến Trung Việt, ký hiệu hồ sơ: 655/20*.

(6), (8). Toan Ánh và Cửu Long Giang, *Cao Nguyên Miền Thượng*, in lần thứ nhất, Sài Gòn, 1974, tr.136-138.

(7). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, *Phông Thủ hiến Trung Việt, ký hiệu hồ sơ: 655/20*.

(9). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, *Phông Thủ hiến Trung Việt, ký hiệu hồ sơ: 655/21*.

(10). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, *Phông Thủ hiến Trung Việt, ký hiệu hồ sơ: 655/22*.

(11). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, *Phông Thủ hiến Trung Việt, ký hiệu hồ sơ: 655/28*.

(12), (13). Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập IV (1945-1946)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 131-132, 155-156.

(14). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đăk Lăk, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đăk Lăk 1930-1945*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.211.

(15). Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập IV (1945-1946),* Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 249-250.

(16). Báo điện tử Giao điểm, Phan Văn Hoàng, *"Chiến tranh Việt Nam 1945-1975 đã có thể không xảyra…"*,http://giaodiemonline.com/2009/06/chientranhvn.htm, truy cập ngày 15-4-2015.

(17). Ban chỉ đạo tổng kết cuộc chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.174.

(18). Báo Dân tộc, *"Những đóng góp to lớn của các dân tộc thiểu số trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ"*, http://web.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=117451842, truy cập ngày 15-4-2015.

(19). Ban chấp hàng Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, *Lịch sử Đảng bộ Miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2003, tr.250.

(20), (21). Ban chỉ đạo tổng kết cuộc chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.146, 184.

(22). Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập VII (1951-1952)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.38.

(23), (24). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập VIII (1945 - 1947), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.434, 419.

(25). Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.12.